

SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
TRUNG TÂM Y TẾ  
HUYỆN XUYÊN MỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 473/CV-TTYT

Xuyên Mộc, ngày 02 tháng 07 năm 2024

V/v yêu cầu báo giá dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT); tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

Kính gửi: Đơn vị Thẩm định giá tại Việt Nam  
(Sau đây gọi là Nhà thầu)

Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT); tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm Hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2024” với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc
- Địa chỉ: số 338 Quốc lộ 55, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu,
- Cách thức tiếp nhận báo giá: đề nghị Nhà thầu gửi báo giá **bằng cả 2 hình thức** sau đây:

- Hình thức 1: Gửi bản giấy có đóng dấu (bản cứng) về Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc theo thông tin sau:

+ Địa chỉ: Khoa Dược-TTB-VTYT. Số 338 Quốc lộ 55, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

+ Số điện thoại: 02543.875.876

Lưu ý: Ngoài bì thư ghi rõ: “BÁO GIÁ - MÃ HỒ SƠ - TÊN DỰ TOÁN” và TÊN NHÀ THẦU. Yêu cầu PHÁT THƯ TẬN TAY.

Trường hợp các hồ sơ không ghi rõ nội dung nêu trên, nếu bị thất lạc hoặc dẫn đến giao nhận không đúng thời hạn quy định thì xem như Trung tâm không nhận được báo giá.

- Hình thức 2: Gửi bản chụp (Scan) hồ sơ đã đóng dấu và bản điện tử (file mềm) vào email [khoaduoccttyxm@gmail.com](mailto:khoaduoccttyxm@gmail.com)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước 17 giờ 00 phút ngày 08 tháng 07 năm 2024 (trong giờ hành chính).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Tên dự toán:

1.1. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT);

1.2. Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

2. Danh mục đề nghị báo giá: theo danh mục đính kèm và phụ lục yêu cầu.

3. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: dự kiến quý III/2024

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Loại hợp đồng: trọn gói

- Tạm ứng: Không.

- Điều khoản thanh toán: 120 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày (nhưng thời hạn hoàn thành hợp đồng không trễ hơn 30/12/2024)

6. Yêu cầu về giá chào: giá chào là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí giao hàng đến kho của bên mời thầu.

7. Biểu mẫu chào giá: theo mẫu đính kèm (các báo giá không đúng theo mẫu, không đầy đủ thông tin sẽ không được xem xét)

8. Hồ sơ kèm theo báo giá: giấy phép đăng ký kinh doanh, công bố đủ điều kiện hoạt động

Khi cần cung cấp thêm thông tin, vui lòng liên hệ: số ĐT 02543.875.876

Rất mong được sự quan tâm của các Nhà thầu.

Trân trọng ./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- GD, PGD (đ/b);

- Các khoa, phòng (đ/b);

(Phòng KHNV đăng website của trung tâm)

- Lưu VT,



**GIÁM ĐỐC**

**BS CKII. Vũ Văn Nam**

## DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

1.1. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT);

1.2. Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

(Kèm theo Công văn số 473/CV-TTĐT ngày 02 tháng 7 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả thông số kỹ thuật tham khảo (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I. Hóa chất xét nghiệm sinh hóa cho máy Stax-fax-3300- Mỹ</b>				
1	Hóa chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm sinh hóa	<p>Chất kiểm tra dùng cho các xét nghiệm sinh hoá, huyết thanh dạng bột đông khô, đồng nhất với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p> <p>Chất kiểm tra dùng cho các xét nghiệm sinh hoá, huyết thanh dạng bột đông khô, đồng nhất với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p>	ml	20
2	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy xét nghiệm sinh hóa	<p>Chất hiệu chuẩn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy, huyết thanh dạng bột đông khô có chứa các chất chuyển hóa với nồng độ thích hợp để đảm bảo hiệu chuẩn chính xác.</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p>	ml	15
3	Hóa chất xét nghiệm Glucose	<p>Hoá chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng Glucose, phương pháp GOD-POD, đo điểm cuối</p> <p>-Giới hạn phát hiện: <math>\leq 0,8</math> mg/dl</p> <p>-Độ tuyến tính: <math>\geq 500</math> mg/dl</p> <p>-Thành phần: GOD, POD;4-AA</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p>	ml	4.650
4	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST	<p>Hoá chất sử dụng đo hoạt độ ALT, phương pháp sử dụng tia UV, đo động học</p> <p>-Giới hạn phát hiện: <math>\leq 6</math> u/l</p> <p>-Độ tái lập (Reproducibility): <math>\leq 2.86\%</math></p> <p>-Thành phần: TRIS, L-aspartate, NADH, LDH, 2-Oxoglutarate, MDH</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p>	ml	2.900
5	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	<p>Hoá chất sử dụng đo hoạt độ AST, phương pháp sử dụng tia UV, đo động học</p> <p>-Giới hạn phát hiện: <math>\leq 6</math> u/l</p> <p>-Độ tái lập: <math>\leq 3.02\%</math></p> <p>-Thành phần: TRIS, L-alanine, NADH, LDH, 2-Oxoglutarate</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.</p>	ml	2.900
6	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	<p>Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol, phương pháp CHE-CHOD-POD, đo điểm cuối</p> <p>-Giới hạn phát hiện: <math>\leq 0,9</math> mg/dl</p> <p>-Độ tuyến tính: <math>\geq 500</math> mg/dl</p> <p>-Thành phần: cholesterol esterase, cholesterol oxidasa, peroxidasa, 4-AP, Good buffer,...</p> <p>- Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm</p>	ml	4.600



		sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.		
7	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng Creatinine, phương pháp đo động học -Giới hạn phát hiện: $\leq 0,69$ mg/dl -Độ tuyến tính: $\geq 20$ mg/dl. -Thành phần: picric acid, Sodium hydroxide, Carbonate buffer - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.	ml	2.900
8	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol, phương pháp so màu đồng nhất -Giới hạn phát hiện: $\leq 4$ mg/dl -Độ tuyến tính: $\geq 150$ mg/dl -Thành phần: Cholesterol oxidase, Peroxidase, N-ethylN- (2-hydroxy-3-sulfopropyl) -3-toluidine dinatri (DSBmT), Cholesterol esterase, 4-aminoantipyrine (4-AAP), ... - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.	ml	600
9	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides, Phương pháp enzym xác định Triglycerides - GOP-PAP -Giới hạn phát hiện: $\leq 9$ mg/dl -Độ tuyến tính: $\geq 1000$ mg/dl -Thành phần: Chlorophenol, Lipoprotein lipase, glycerol fosfato oxidasa, peroxidasa ), adenosine trifosfatoy(ATP), 4-aminofenazona,... - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.	ml	3.300
10	Hóa chất xét nghiệm Urea	Hoá chất sử dụng xét nghiệm Urea, đo động học -Giới hạn phát hiện: $\leq 3,83$ mg/dl -Độ tuyến tính: $\geq 300$ mg/dl -Thành phần: Tris, 2-Oxoglutarate ,Urease , GLDH , NADH,... - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.	ml	2.800
11	Hóa chất xét nghiệm Uric acid	Hoá chất sử dụng xét nghiệm định lượng Acid Uric, phương pháp đo điểm cuối, UOD-POD -Giới hạn phát hiện: $\leq 0.3$ mg/dl -Độ tuyến tính: $\geq 20$ mg/dl -Thành phần: POD, 4-AAP, Potassium ferrocyanide, sulfonic dichlorohydroxybenzene (SDH) pha trong dung dịch đệm chứa photphat, Buffer PIPES,... - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Stax-fax-3300- Mỹ.	ml	600
<b>II. Hóa chất xét nghiệm huyết học cho máy Sysmex-XP-100-Nhật</b>				
12	Hóa chất rửa dùng trong xét nghiệm huyết học	Thành phần: Protease $< 0.50\%$ . - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)	ml	300
13	Hóa chất pha loãng dùng trong xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng mẫu. Thành phần: Sodium Chloride $\leq 1\%$ ; Potassium Chloride $\leq 0.3\%$ ; Buffer $\leq 0.5\%$ ; Staboliser $\leq 0.02\%$ - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)	Lít	1.200
14	Hóa chất ly giải dùng trong xét nghiệm huyết học	Dung dịch dùng để đếm số lượng bạch cầu, ly giải hồng cầu để đo huyết sắc tố HGB. Thành phần: Ammonium $< 0.3\%$ ; Sodiumauryl Sulface $< 0.1\%$ - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)	ml	30.000
15	Chất kiểm chuẩn	Máu chuẩn dùng để nội kiểm chất lượng huyết học 3 mức Thấp cho	ml	

Y  
G T  
T E  
Y E N  
E N H  
H I A -

	xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp	máy 3 thành thân Bạch cầu - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)		15
16	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức bình thường	Máu chuẩn dùng để nội kiểm chất lượng huyết học 3 mức trung bình cho máy 3 thành thân Bạch cầu - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)	ml	15
17	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao	Máu chuẩn dùng để nội kiểm chất lượng huyết học 3 mức cao cho máy 3 thành thân Bạch cầu - Có thông số kỹ thuật tương đương và tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản)	ml	15
<b>III. Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu và sinh phẩm</b>				
18	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu.	ml	80
19	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu.	ml	80
20	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên A và B trên bề mặt hồng cầu.	ml	80
21	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu D	Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Phát hiện kháng nguyên D trên bề mặt hồng cầu.	ml	90
22	CRP Latex (phát hiện Protein phản ứng C trong mẫu huyết thanh)	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng C-Reactive Protein (CRP) của các bệnh viêm nhiễm Độ nhạy của thuốc thử: < 0.6 mg/dl.	Test	500
23	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Bộ xét nghiệm nhanh được chỉ định để đo định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người Dải đo: 2.00% - 14.00%. Giá trị Cut-off: 3.80% - 5.80% Giới hạn phát hiện: ≤ 2.00% Chất đệm muối photphat, chất ổn định.	Test	1.200
24	Test sốt xuất huyết NS1/ IgM- IgG (xét nghiệm Dengue combo)	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Ngưỡng phát hiện: <0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: > 98% - Độ đặc hiệu tương quan: >98.6%, - Độ chính xác tương quan: >93.2% - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	1.200
25	Test thử giang mai - 5mm	Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Độ nhạy: > 98% ; Độ đặc hiệu: >98% - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	400
26	Test HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016. - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: >98%, Độ đặc hiệu: >99% - Ngưỡng phát hiện > 1 ng/ml - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	1.000
27	Test phát hiện HIV (1&2)	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 ;	Test	1.000

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: &gt; 99%, Độ đặc hiệu: &gt; 99%</li> <li>- Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp.</li> <li>- Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.</li> <li>- Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>		
28	Test xét nghiệm nhanh hCG	<ul style="list-style-type: none"> <li>Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người.</li> <li>- Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng <math>\beta</math>hCG, kháng thể chuột kháng <math>\alpha</math>hCG.</li> <li>- Dạng que.</li> <li>- Độ nhạy tương quan: &gt;98%, Độ đặc hiệu tương quan: &gt;98%, Độ chính xác tương quan: &gt;98%.</li> <li>- Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 <math>\mu</math>IU/mL).</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</li> </ul>	Test	500
29	Test phát hiện HCV	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</li> <li>- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: &gt;98%, Độ đặc hiệu: &gt;98 %</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	Test	500
30	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số	<ul style="list-style-type: none"> <li>Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid.</li> <li>Que thử sử dụng một lần</li> <li>Đại chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Test	3.500
31	Trang thiết bị y tế chẩn đoán nhanh Ma Túy Tổng Hợp AMP (Amphetamine) trong nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Test thử nhanh phát hiện Amphetamine (AMP) trong nước tiểu người</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: &lt;500 ng/ml</li> <li>- Độ nhạy: &gt;99%; Độ đặc hiệu: &gt;99,7%</li> <li>- Chứng nhận: GMP, ISO 9001, ISO 13485, CO, COA.</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 2- 300C</li> </ul>	Test	100
32	Trang thiết bị y tế chẩn đoán nhanh thuốc phiện (Heroin - Morphine - Opiates) trong nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Test thử nhanh phát hiện Morphine (MOP) trong nước tiểu người</li> <li>- Có chứng nhận đăng ký thương hiệu</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: &lt;300 ng/ml</li> <li>- Độ nhạy: &gt;99%; Độ đặc hiệu: &gt;99,7%</li> <li>- Chứng nhận: GMP, ISO 9001, ISO 13485, CO, COA.</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 2- 300C</li> </ul>	Test	100
		<b>Tổng cộng: 31 khoản; Tổng tiền: 640.513.658 đồng</b>		